

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 21 - 3 - 2024.

V/v ly hôn giữa anh A và chị N.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Ngọc Thu.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 357/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số nhà 91, đường H, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Hòa T – Công ty Luật N – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 33, đường T, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Luật sư T có mặt.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Phan Mỹ N, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số nhà 61, đường H, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28 tháng 9 năm 2023 nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng A trình bày: Anh và chị N sau thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 12 năm 2021, Anh cùng chị N chung sống được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị N có mối quan hệ không trong sáng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân.

Vì mâu thuẫn nêu trên, nên anh A yêu cầu giải quyết được ly hôn với chị N. Anh và chị N chung sống với nhau có 01 người con chung tên Nguyễn Nhã T, sinh ngày 20/6/2022. Khi ly hôn anh A yêu cầu để con chung cho chị N nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Chị Nguyễn Phan Mỹ N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Hoàng A và chị Nguyễn Phan Mỹ N kết hôn năm 2021, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên anh A có đơn yêu cầu xin được ly hôn với chị N, chị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố V.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, chị N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo chứng cứ do anh A cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện anh A và chị N có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 12 năm 2021. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc anh A và chị N sống ly thân, từ đó cho thấy mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc anh A yêu cầu được ly hôn với chị N là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh A và chị N chung sống với nhau có 01 người con chung tên Nguyễn Nhã T, sinh ngày 20/6/2022, khi ly hôn anh A yêu cầu để chị N nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu T là do chị N nuôi dưỡng. Nhằm tạo sự ổn định cho cháu và cháu T cũng còn nhỏ, xét yêu cầu của anh A để chị N nuôi cháu T là hợp lý, đúng với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Anh A đồng ý cấp dưỡng theo quy định là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét lời đề nghị của Người bảo vệ quyền lợi ích của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, do đó anh A phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng và anh A còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Hoàng A ly hôn chị Nguyễn Phan Mỹ N.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Nhã T, sinh ngày 20/6/2022 cho chị Nguyễn Phan Mỹ N nuôi dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với anh A, nhưng nêu anh A lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với anh A.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hoàng A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000 đồng (*chín trăm ngàn đồng*). Thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực, pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi).

4. Về án phí sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Hoàng A nộp 600.000 đồng (*sáu trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) anh A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số

0000139 ngày 02/11/2023, anh A còn phải nộp thêm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- UBND Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thanh Hồng